TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09A/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 5 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lục Văn Chằng
2. Ông Nguyễn Quang Hưng

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Anh Tuấn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng Seo P, năm sinh 1977
Địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. *Bị đơn*: Chị Tráng Thị S, tên gọi khác: Tráng Thị Say, năm sinh 1981
Địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Giàng Seo D, năm sinh 1948
Địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.
- Bà Vàng Thị D, năm sinh 1947
Địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
4.Người làm chứng:
- Chị Cao Ánh N, năm sinh 1988
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
- Chị Vũ Thị H, năm sinh 1979
Địa chỉ: Tổ 19, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng Seo P trình bày:

+Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S, tên gọi khác Tráng Thị S chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2001 đến ngày 18/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lầu Thí Ngài (nay là xã Lùng Phình) huyện Bắc Hà, việc chung sống và kết hôn của anh chị là tự nguyện. Anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng chưa tin tưởng nhau, chị S nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, hay gọi điện, nhắn tin cho người đàn ông khác, anh góp ý nhưng chị S không thay đổi mà còn đặt điều và gây áp lực về tinh thần cho anh, sự việc của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện anh và chị S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S không còn, cuộc sống không hạnh phúc, nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tráng Thị S, tên gọi khác: Tráng Thị S.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S có hai con chung là cháu Giàng Thị V, sinh ngày 01/11/2001; cháu Giàng Seo C, sinh ngày 28/11/2003. Hiện cháu V, cháu C đã trưởng thành, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh Giàng Seo P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, do chị S có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh có ý kiến như sau: Đối với tải sản thứ nhất: Thửa đất ở thôn L, xã L, huyện B, là tài sản của vợ chồng chị gái anh, không phải tài sản của hai vợ chồng anh, nên anh không đồng ý chia số tiền 280.000.000 đồng theo yêu cầu của chị S; đối với tài sản thứ 2 là số tiền bán thửa đất thứ hai được 170.000.000 đồng, anh đã chi số tiền 20.000.000 đồng cho cháu C là con trai của anh chị đi học, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng anh là người quản lý. Nay chị S yêu cầu, anh nhất trí trả cho chị S số tiền là 75.000.000 đồng.

Đối với tài sản thứ 3: Năm 2014 anh có mua của anh Phạm Văn H ở thị trấn B, huyện B1 01 thửa đất, nhưng nguồn gốc số tiền mua thửa đất này là do ông Giàng Seo D (bố đẻ anh) đưa tiền cho anh, nhờ anh và anh Tráng Seo D (em trai chị S) đi mua hộ, việc anh ký vào Giấy chuyển nhượng đất với anh H để làm căn cứ cho việc anh đã giao số tiền trên cho anh H. Năm 2022 bố mẹ anh là ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D đã bán thửa đất trên cho chị Vũ Thị H ở thành phố Lào Cai; việc chị S cho rằng anh nhờ bố mẹ anh chuyển nhượng và ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng đất cho chị N là không đúng. Chị S yêu cầu anh phải chia đôi số tiền bán thửa đất trên, anh không đồng ý vì đây không phải là tài sản của anh và chị S, anh cũng không phải là người chuyển nhượng thửa đất trên.

- Tại đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng đề ngày 19/12/2023, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Tráng Thị S, tên gọi khác, Tráng Thị S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị S nhất trí với anh Giàng Seo P trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa chị và anh P. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P đi học ở Lào Cai có nhắn tin cho người phụ nữ khác, chị tham gia thì anh P không thừa nhận, anh P không quan tâm đến chị, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xảy ra đánh cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2023 anh chị đã sống ly thân và không quan đến nhau. Nếu anh P không chia tài sản cho chị thì chị không đồng ý ly hôn anh P.

+Về con chung: Chị S nhất trí với anh P trình bày về con chung, hiện cháu V, cháu C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị và anh P có những tài sản sau:

Tài sản thứ nhất: 01 thửa đất ở thôn L, xã L, huyện B, năm 2021 anh P đã bán được 280.000.000 đồng.

Tài sản thứ hai: 01 thửa đất ở Thôn L, xã L1, huyện B, năm 2022 bán được 170.000.000 đồng, đã chi 20.000.000 đồng cho cháu C đi học, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng anh P là người quản lý.

Tài sản thứ ba: Năm 2016 anh P mua 01 thửa đất của anh Phạm Văn H ở thị trấn B, khi mua anh chị không có sự bàn bạc, chị không biết mua bao nhiêu tiền, chị không giao dịch mua thửa đất trên, sau này anh P nói là mua với giá 64.000.000 đồng. Năm 2022 chị và anh P đã bán thửa đất trên cho chị Cao Ánh N ở thị trấn Bắc Hà được 1.050.000.000 đồng, số tiền bán thửa đất anh P là người quản lý, do thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh P đã nhờ bố mẹ anh là ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D đứng ra chuyển nhượng hộ và ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng cho chị Cao Ánh N ở thị trấn Bắc Hà với số tiền là 1.050.000.000 đồng, số tiền này anh P cầm và dùng để xây nhà (trên đất của bố mẹ anh P) tại Thôn L, xã L1, huyện B.

Nguồn gốc số tiền mua 03 thửa đất trên là do vợ chồng chị tiết kiệm được và trước đây anh chị có trồng cây trên đất của bố mẹ đẻ anh P, năm 2016 ông D đã đưa tiền đền bù cây cho chị là 120.000.000 đồng, chị đã đưa cho anh P số tiền đó để mua ba thửa đất trên.

Ngày 26/02/2024 chị S có đơn rút một phần yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền bán tài sản thứ nhất là 280.000.000 đồng.

Tổng số tiền bán 02 tài sản trên anh P đang quản lý là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Giàng Seo P phải chia đôi số tiền trên cho chị một nửa là 600.000.000 đồng. (sáu trăm triệu đồng).

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các Điều 70, 71,72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

. - Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho anh Giàng Seo P được ly hôn với chị Tráng Thị S, tên gọi khác Tráng Thị S.

+ Về con chung: Không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản:

Căn cứ Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S về khoản tiền 150.000.000 đồng, hiện anh P là người quản lý. Anh P được quyền sử dụng 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), anh P có nghĩa vụ trả cho Chị Tráng Thị S số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Tráng Thị S đối với việc chia ½ số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)

Căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S đối số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị x ét xử. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Seo P và Chị Tráng Thị S là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng chưa thực sự tin tưởng nhau nên đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Anh P xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; chị S thừa nhận chị và anh P xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau, nếu anh P không chia tài sản cho chị thì chị không đồng ý ly hôn anh P. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Việc anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị S chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S có 02 con chung. Hiện cháu Giàng Thị V và cháu Giàng Seo C đã trưởng thành, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S về tài sản chung của vợ chồng:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập và lời trình bày của các đương sự. Xác định tài sản của anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S như sau:

- Đối với tài sản thứ nhất: Số tiền chuyển nhượng thửa đất thứ nhất được 280.000.000 đồng, ngày 26/02/2024 chị Tráng Thị S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này, xét thấy việc rút yêu cầu của chị S là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền 280.000.000 đồng.

- Đối với tài sản thứ hai: Anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S đều thừa nhận: Trong quá trình chung sống anh chị có mua được 01 thửa đất ở Thôn L, xã L1, huyện B. Năm 2022 chuyển nhượng được 170.000.000 đồng, đã chi 20.000.000 đồng cho con trai đi học, hiện còn 150.000.000 đồng anh P đang quản lý. Chị S yêu cầu anh P phải chia đôi số tiền 150.000.000 đồng cho chị một nửa là 75.000.000 đồng, anh P nhất trí trả cho chị S số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng, anh chị đều có công sức tạo dựng khối tài sản này, việc chị S yêu cầu anh P phải trả cho chị một nửa số tiền trên là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Đối với tài sản thứ ba: Số tiền chuyển nhượng thửa đất thứ 3 ở thôn L, xã L1, huyện B

+ Chị Tráng Thị S cho rằng: Đây là tài sản chung của vợ chồng chị vì thửa đất này do anh P mua của anh Phạm Văn H ở thị trấn Bắc Hà, nguồn gốc số tiền mua thửa đất này là do năm 2016 ông D (bố đẻ anh P) đưa cho chị 120.000.000 đồng tiền đền bù hoa màu trên đất, chị S đã đưa số tiền này cho anh P mua thửa đất trên. Năm 2022 chị và anh P đã chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Cao Ánh N ở thị trấn Bắc Hà được 1.050.000.000 đồng, số tiền này anh P là người quản lý dùng để xây nhà. Do thửa đất của anh chị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh P đã nhờ bố đẻ của anh là ông D và bà D đứng ra chuyển nhượng hộ và ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng cho chị Cao Ánh N ở thị trấn Bắc Hà, nay chị yêu cầu anh P phải chia cho chị một nửa số tiền bán thửa đất trên.

+Anh Giàng Seo P cho rằng: Thực tế anh có nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của anh Phạm Văn H ở thị trấn B với giá là 45.000.000 đồng, nhưng nguồn gốc số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này là của ông Giàng Seo D

(bố đẻ anh) đưa cho anh đi mua hộ, khi nhận tiền đền bù đất bố anh đưa cho hai vợ chồng anh số tiền 30.000.000 đồng, không phải 120.000.000 đồng như chị S khai. Năm 2022 bố mẹ anh là ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D đã chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Vũ Thị H, thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng anh mà là tài sản của bố mẹ anh; bản thân anh cũng không chuyển nhượng thửa đất trên cho chị N và anh cũng không cầm số tiền này. Nay chị S đề nghị anh phải chia cho chị một nửa số tiền chuyển nhượng thửa đất trên anh không đồng ý.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giàng Seo D cho rằng: Cuối năm 2013 vợ chồng ông được nhà nước đền bù tiền đất là hơn 300.000.000 đồng, ông đã nhờ con trai là anh Giàng Seo P đi tìm mua hộ đất; sau khi anh P hỏi được thửa đất của anh H, ông đã đưa cho anh P số tiền 45.000.000 đồng để mua đất, vì tuổi cao và mắt kém nên ông đã giao cho anh P làm thủ tục nhận chuyển nhượng đất, giấy tờ liên quan đến thửa đất ông không giữ. Đến năm 2022 gia đình ông đã bán thửa đất trên với giá 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng); số tiền chuyển nhượng đất ông là người quản lý. Việc chị S cho rằng thửa đất trên là của vợ chồng chị S, anh P nhờ vợ chồng ông đứng ra bán và ký vào hợp đồng chuyển nhượng đất cho chị Cao Ánh N là không đúng, ông và bà D là người chuyển nhượng thửa đất trên cho chị H, gia đình ông cũng không ai tặng, cho chị S và anh P diện tích đất nào.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị D khai: Năm 2013 vợ chồng bà được đền bù tiền đất được hơn 300.000.000 đồng, ông D đã đưa cho anh P số tiền 45.000.000 đồng để mua đất. Đến năm 2022 gia đình bà xây nhà nên đã bán thửa đất trên với giá 1.100.000.000 đồng; số tiền chuyển nhượng đất ông D là người quản lý. Việc chị S cho rằng thửa đất trên là của chị và anh P là không đúng.

+ Người làm chứng chị Cao Ánh N cho rằng: Chị có đứng ra thay chị Vũ Thị H ở thành phố Lào Cai nhận chuyển nhượng thửa đất của hộ ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà với diện tích 3.500 m^2, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/9/1999 cho hộ ông Giàng Seo D, bà Vàng Thị D, giá chuyển nhượng là 1.100.000.000 đồng, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng và tất cả các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp bìa cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng, khi thống nhất giá, được sự đồng ý của gia đình ông D, chị đã thay mặt chị H thanh toán đủ số tiền 1.100.000.000 đồng cho gia đình ông D, lúc giao tiền có mặt ông Giàng Seo D, bà Vàng Thị D, anh Giàng Seo P và Chị Tráng Thị S. Nay chị được biết chị Vũ Thị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng trên.

+ Người làm chứng chị Vũ Thị H cho rằng: Ngày 27/5/2022 chị có nhận chuyển nhượng thửa đất của hộ ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà với diện tích 3.500 m^2, nằm trong Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp ngày 10/9/1999 cho hộ ông Giàng Seo D, bà Vàng Thị D, giá chuyển nhượng là 1.100.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên chị có nhờ chị Cao Ánh N ở Tổ dân phố Bắc Hà 3, thị trấn Bắc Hà là người giúp chị giao dịch với gia đình ông D, làm các thủ tục để nhận chuyển nhượng thửa đất trên, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cùng ký vào hợp đồng, có anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S (con trai và con dâu ông D bà D) cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đã được chứng thực, chị đã thanh toán đủ số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) cho gia đình ông D. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên chị đã kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án xác định khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên chị S và anh P không có sự bàn bạc, chị S không biết số tiền nhận chuyển nhượng đất là bao nhiêu, chị S không tham gia vào bất kỳ giao dịch nào để nhận quyền sử dụng đất trên. Qua các tài liệu Tòa án thu thập được thì thời điểm nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là năm 2014, việc chị S khai nguồn gốc số tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất trên và thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất từ năm 2016 là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập. Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị S và anh P đã chung sống thì: Trong quá trình chung sống anh Giàng Seo P và Chị Tráng Thị S không được nhà nước giao đất, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh chị không làm thủ tục nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho, thừa kế tài sản là đất; mặt khác anh P không thừa nhận số tiền mua thửa đất trên là của hai vợ chồng, ông D, bà D và anh P đều khẳng định số tiền mua thửa đất trên là của ông D đưa cho anh P mua hộ, chị S cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh số tiền mua thửa đất trên là của chị và anh P. Nên không đủ cơ sở để xác định thửa đất trên là tài sản chung của chị S và anh P, việc chị S yêu cầu anh P phải trả cho chị ½ số tiền 1.050.000.000 đồng bán thửa đất trên là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Đối với việc chị S cho rằng anh P và chị S chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Cao Ánh N, nhưng do thửa đất của anh chị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh P đã nhờ ông D và bà D đứng ra chuyển nhượng và ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng cho chị Ngọc, nhưng chị S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và lời khai người làm chứng thì năm 2022 ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D, anh Giàng Seo P, chị Tráng Thị S đã chuyển nhượng cho chị Vũ Thị H ở thành phố Lào Cai 01 thửa đất đứng tên hộ ông Giàng Seo D và bà Vàng Thị D, số tiền chuyển nhượng đất trên ông D là người quản lý; nên không đủ cơ sở để xác định anh P và chị S đã chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Cao Ánh N.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật ; chị Tráng Thị S

phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng không được Tòa án chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33; khoản 1 Điều 56; khoản 2,3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a,b,e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Giàng Seo P và chị Tráng Thị S, tên gọi khác Tráng Thị Say. Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị S chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ tài sản:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S về việc chia tài sản khi ly hôn: Anh Giàng Seo P đang quản lý số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng, anh Giàng Seo P được sở hữu số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), anh Giàng Seo P có nghĩa vụ trả cho Chị Tráng Thị S số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S đối với việc chia ½ số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị S đối với số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) do chị S rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Anh Giàng Seo P phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản , tổng cộng anh P phải chịu án phí sơ thẩm là 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001797 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Anh P còn phải nộp 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự chia tài sản.

- Chị Tráng Thị S phải chịu 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản và 25.000.000 đồng (hai

mươi lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản không được Tòa án chấp nhận, tổng cộng chị S phải chịu án phí sơ thẩm là 28.750.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001318 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị S còn phải nộp 11.750.000 đồng (mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự chia tài sản.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (4);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã L;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương